

Bản án số: **580** /2026/HNGĐ- ST

Ngày: 16/6/2026

V/v: *Tranh chấp HN-GĐ.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Trí
- Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Bôi và ông Huỳnh Quốc Bình;
- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hằng – Thư ký Tòa án;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Phạm Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 328/2026/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2026, về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22/5/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 222/2026/QĐST- HNGĐ ngày 09/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Lý Thị P**, sinh năm 1995; CCCD số: 01019500xxxx; nơi ĐKKHKT: Khu tập thể L, phường T, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện tại: Khu Đấu giá, Y, xã T, thành phố Hà Nội. (*Có mặt*)

- Bị đơn: Anh **Chu Tiến L**, sinh năm 1995; CCCD số: 00108603xxxx; nơi ĐKKHKT và ở: Số nhà C, phường T, thành phố Hà Nội (Khu tập thể L, phường T, thành phố Hà Nội). (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Về phía nguyên đơn:* Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản khai, lời khai và các tài liệu chứng cứ kèm theo trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Lý Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Chu Tiến L tự do quen biết và tự tìm hiểu nhau trong khoảng 1 năm thì tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội) vào ngày 14/8/2020, có tổ chức báo hỷ tại nhà tôi. Nghề nghiệp: Điều lao động tự do.

Sau khi kết hôn, tôi và anh L sống cùng với bố mẹ anh L tại Tập thể L, phường T, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, giữa tôi và anh L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã và có xô xát. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh L không tu chí làm ăn, thường xuyên đi chơi, vay nợ, không tập trung làm kinh tế để lo cho gia đình và con chung. Toàn bộ chi tiêu trong gia đình do bố mẹ chồng tôi gánh vác vì thời điểm đó tôi đang mang thai con đầu lòng, sức khỏe yếu, không đi làm. Ngoài ra, anh L rất nóng tính và gia trưởng nên các cuộc nói chuyện giữa tôi và anh L, giữa anh L và bố mẹ anh L đều không tìm được tiếng nói chung. Do vậy, chúng tôi cũng hạn chế giao tiếp, trao đổi những vấn đề phát sinh trong đời sống chung để tránh xô xát.

Đến cuối năm 2020, sau mâu thuẫn trầm trọng nên tôi đưa con chung về sống cùng với bố mẹ đẻ tại Lào Cai. Năm 2021, tôi đã nộp đơn xin ly hôn anh L tại Tòa án nhân dân quận H (cũ). Quá trình giải quyết đơn, tôi đã xin rút đơn và cho anh L một cơ hội để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, sau đó, anh L không thay đổi, vẫn thường xuyên nợ nần, không đi làm, không quan tâm gì đến tôi và con chung. Năm 2023, anh L vi phạm pháp luật, bị xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và phải đi thi hành án tại trại giam Suối Hai đến 2025 thì ra trại. Trong thời gian anh L thi hành án tại trại giam thì tôi và gia đình vẫn thăm nuôi bình thường. Giữa Tôi và gia đình anh L không có mâu thuẫn gì. Khoảng cuối tháng 4/2025, sau khi anh L ra trại được 01 tháng thì tôi đã xin phép gia đình dọn ra ngoài, thuê nhà tại tòa G8, Khu đấu giá Y, phường T, thành phố Hà Nội sống ly thân với anh L từ đó đến nay.

Trong thời gian ly thân, tôi và anh L có gặp nhau, có liên lạc với nhau nhưng chỉ trao đổi những vấn đề liên quan đến con chung. Chúng tôi không đề cập đến vấn đề đoàn tụ, không thực hiện bất kỳ biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Nay, tôi xác định vợ chồng không còn tình cảm với anh L và nhận thấy chúng tôi không còn khả năng đoàn tụ nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Tôi và anh L có một con chung là cháu Chu Tiến D, sinh ngày 21/01/2020. Cháu D đang sống cùng với tôi. Ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi cháu D và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tôi và anh L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Tôi và anh L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, tôi là nhân viên văn phòng, làm việc tại Công ty cổ phần thương mại quốc tế S có địa chỉ số 8, ngõ 102 K, phường T, thành phố Hà Nội. Thu nhập 11.000.000 đồng/ tháng. Ngoài ra, tôi có làm thêm một số công việc khác, thu nhập khoảng 4.000.000 đồng/ tháng.

Hiện tại, tôi đang thuê nhà tại tòa G8, Khu đấu giá Y, phường T, thành phố Hà Nội. Tổng số tiền thuê nhà hàng tháng khoảng 4.500.000 đồng/ tháng.

*Bị đơn: Anh Chu Tiến L Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy báo và các văn bản tố tụng có liên quan cho anh L nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do tại tất cả các buổi làm việc. Do vậy, Tòa án không ghi được ý kiến, quan điểm của anh L về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

* Đại diện gia đình anh L là bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965 (mẹ đẻ anh L). Tòa án cùng chính quyền địa P có mặt tại số nhà 113 để tổng đạt các văn bản tố tụng và ghi ý kiến của anh L về việc giải quyết vụ án nhưng anh L đi làm, không có mặt ở nhà. Bà C là mẹ đẻ của anh L nhận văn bản thay và cam kết giao lại tận tay anh L. Đồng thời bà C cho biết:

Chị P và anh L kết hôn khoảng năm 2020, và có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, quận H, thành phố Hà Nội nhưng không tổ chức đám cưới do thời điểm đó đang bị dịch Covid. Sau khi kết hôn, chị P và anh L sống cùng với vợ chồng tôi tại số nhà 113, ngõ C. Trong thời gian chung sống, bà C chưa thấy chị P và anh L đánh nhau, cãi nhau nhưng theo bà C do chị P và anh L không hợp nhau, không hòa hợp về tính cách nên hai bên ít giao tiếp, chia sẻ và quan tâm đến nhau. Đồng thời, công việc của anh L cũng bấp bênh, do vậy, giữa anh L và chị P không tìm được tiếng nói chung cả tình cảm lẫn kinh tế. Cách đây vài tháng khi chị P có ý định ly hôn có nói chuyện và xin phép gia đình chuyển ra ngoài sinh sống. Gia đình bà C có nói chuyện, có phân tích nhưng việc tiếp tục chung sống hay ly hôn là do chị P và anh L tự quyết định.

Anh L và chị P có 1 con chung là cháu Chu Tiến D, sinh ngày 27/01/2020. Cháu D khi thì ở với chị P, khi sống với gia đình chúng tôi. Trong trường hợp anh L và chị P ly hôn và giải quyết vấn đề giao con chung cho ai nuôi thì chúng tôi vẫn hỗ trợ cả hai anh, chị trong vấn đề đưa đón, vệ sinh cá nhân, ăn uống cho cháu D để anh L và chị P có thời gian đi làm. Do vẫn sống cùng vợ chồng tôi nên anh L và chị P không có tài sản chung, không có nợ chung.

Các lần nhận văn bản thay cho anh L, bà C có giao lại cho anh L và có khuyên anh L đến Tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật nhưng anh L có đến Tòa hay không thì bà C không biết. Nay chị P xin ly hôn anh L thì gia đình bà C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Xác minh tại địa P: Qua xác minh tại chính quyền địa P được cung cấp như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh L tự do tìm hiểu, kết hôn tự nguyện và hợp pháp. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, quận H, thành phố Hà Nội (nay là UBND phường H, thành phố Hà Nội). Sau khi kết hôn, chị P và anh L sống cùng với bố mẹ anh L là bà Nguyễn Thị C và ông Chu Văn Triều tại số 113, ngõ C, phường T, thành phố Hà Nội. Trong thời gian chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tính cách, tình cảm nên giữa hai bên đã

phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị P và anh L đã ly thân một thời gian. Hiện tại, chị P không sống cùng nhà với anh L.

Về con chung: Chị P và anh L có 1 con chung là cháu Chu Tiến D, sinh ngày 27/01/2020. Cháu đang ở cùng chị P, khi thì ở cùng anh L và gia đình anh L; về tài sản chung, nợ chung. Đại diện chính quyền địa P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt anh L nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định. Chị P giữ nguyên quan điểm và đề nghị tòa giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên tòa trình bày quan điểm:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về việc thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã xác định tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc xác minh thu thập chứng cứ như lấy lời khai của các đương sự, lời khai của những người liên quan, thu thập chứng cứ do các đương sự giao nộp; tiến hành hòa giải và kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc giao thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát, đương sự đảm bảo theo quy định tại Điều 196 BLTTDS.

Ngày 22/5/2026, Tòa án nhân dân khu vực 11 ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2026/QĐST là đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát, đương sự đúng quy định tại Khoản 2 Điều 220 BLTTDS. Việc giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời gian nghiên cứu vụ án theo quy định tại Điều 220 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các thông báo, giấy báo của Tòa án, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại khoản 16 Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Trên cơ sở nội dung vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Căn cứ theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83

Luật hôn nhân và gia đình năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lý Thị P và cần xử cho chị P được ly hôn anh L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Giao con chung là Chu Tiến D, sinh ngày 27/01/2020 cho chị Lý Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Chu Tiến L có quyền đi lại thăm hỏi con chung, không ai được cản trở. Về việc cấp dưỡng, không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh L và chị P có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn anh Chu Tiến L và có hộ khẩu thường trú tại: Phường T, thành phố Hà Nội nên việc chị P có đơn xin ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án giao, gửi và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn (không lý do). Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh L, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội) vào ngày 14/8/2020. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống theo chị P vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cãi vã và có xô xát. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh L không tu chí làm ăn, thường xuyên đi chơi, vay nợ, không tập trung làm kinh tế để lo cho gia đình và con chung. Toàn bộ chi tiêu trong gia đình do bố mẹ chồng tôi gánh vác. Ngoài ra, anh L rất nóng tính và gia trưởng nên các cuộc nói chuyện giữa tôi và anh L, giữa anh L và bố mẹ anh L đều không tìm được tiếng nói chung; cuối năm 2020, tôi đưa con chung về sống cùng với bố mẹ đẻ tại Lào Cai; năm 2021, tôi đã nộp đơn xin ly hôn anh L tại Tòa án nhân dân quận H (cũ). Quá trình xử lý đơn, tôi đã xin rút đơn, cho anh L cơ hội để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, sau đó, anh L không thay đổi; năm 2023, anh L vi phạm pháp luật, bị xét xử và phải đi thi hành án tại trại giam Suối Hai đến 2025 thì ra trại; khoảng cuối tháng 4/2025,

tôi đã dọn ra ngoài, thuê nhà tại tòa G8, Khu đấu giá Y, phường T, thành phố Hà Nội sống ly thân với anh L từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, tôi và anh L có gặp nhau, có liên lạc với nhau nhưng chỉ trao đổi những vấn đề liên quan đến con chung. Chúng tôi không đề cập đến vấn đề đoàn tụ, không thực hiện bất kỳ biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh L.

Đối với anh L, trong suốt quá trình tố tụng đều vắng mặt không lý do. Qua quan điểm của đại diện gia đình bà Nguyễn Thị C (mẹ đẻ anh L) và xác minh tại địa P.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị P và anh L là trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc, quá trình chung sống đã nhiều lần mâu thuẫn, ly thân sau lại đoàn tụ từ năm 2020 và vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 4/2025 cho đến nay. Cho thấy, mục đích hôn nhân giữa chị P và anh L không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị P và cần xử cho chị P được ly hôn anh L là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Chu Tiến D, sinh ngày 21/01/2020. Ly hôn, nguyện vọng của cô P do cháu D còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ nên xin được nuôi con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào điều kiện về hoàn cảnh kinh tế, chỗ ăn, ở học hành cũng như sự hỗ trợ chăm sóc của đại diện gia đình anh L. Để bảo đảm quyền lợi của con chung chưa thành niên, cần giao con Chu Tiến D cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Anh L có quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị P không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ góp phí tôn nuôi con cho anh L cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản, công sức, các khoản vay, cho vay của vợ chồng: Chị P xin tự thỏa thuận và không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Chị P phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lý Thị P đối với anh Chu Tiến L;

1. Về hôn nhân: Chị **Lý Thị P** được ly hôn anh **Chu Tiến L**;

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Chu Tiến D, sinh ngày 21/01/2020. Ly hôn, giao con Chu Tiến D cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Anh L có quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ góp phí tổn nuôi con cho anh L cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công sức và công nợ chung của vợ chồng: Tự thỏa thuận không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008469 ngày 08/4/2026 của Thị hành án dân sự thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Chị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS ND khu vực 11- HN;
- P THA DS khu vực 11 – HN;
- UBND P. T - Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Trí